**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Khoa công nghệ thông tin Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN SINH VIÊN**

HỌC KỲ: II NĂM HỌC: 2022 – 2023

Họ tên sinh viên: Đỗ Giang Nam Mã sinh viên: 4351050449

Ngành học: Công nghệ thông tin Khóa: 43 Lớp sinh hoạt: CNTT K43A

Chức vụ (ban đại diện lớp, đoàn, hội,...): Không

**Kết luận** của Hội đồng cấp khoa: Điểm rèn luyện: Xếp loại rèn luyện2,12,14:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung đánh giá** | SV tự đ.giá | T.thể lớp đ.giá | Ghi chú1 |
| 1. **Ý thức học tập:**     1. Kết quả học tập3:  * ĐTB chung học kỳ (HK trước: ……. HK này:……..)  |  |  | | --- | --- | | * + Dưới 4.0: **+3đ**   + Từ 4.0 – cận 5.0: +**6đ**   + Từ 5.0 – cận 6.5: **+8đ** | * + Từ 6.5 – cận 8.0: **+10đ**   + Từ 8.0 – 10: **+12đ** |  * Tăng ĐTB chung học kỳ so với ĐTB chung học kỳ của kỳ trước  |  |  | | --- | --- | | * + Từ 0.01– cận 0.1: **+1đ**   + Từ 0.1 – cận 0.2: **+2đ**   + Từ 0.2 – cận 0.3: **+3đ**   + Từ 0.3 – cận 0.4: **+4đ**   + Từ 0.4 – cận 0.5: **+5đ** | * + Từ 0.5 – cận 0.6: **+6đ**   + Từ 0.6 – cận 0.7: **+7đ**   + Từ 0.7 – cận 0.8: **+8đ**   + Từ 0.8 – cận 0.9: **+9đ**   + Từ 0.9 trở lên: **+10đ** |  * 1. Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động học thuật 8  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Cấp tỉnh, TƯ (hoặc cấp t.đương) | Cấp trường  (hoặc cấp  t.đương) | Cấp khoa,  liên chi Đoàn/Hội, (hoặc cấp t.đương) | Cấp lớp, chi đoàn (hoặc cấp t.đương) | | Các hoạt động NCKHSV, Olympic các môn học, các cuộc thi học thuật, khởi nghiệp,... | | | | | | Giải I | **+10đ** | **+9đ** | **+7đ** | **+5đ** | | Giải II | **+9đ** | **+8đ** | **+6đ** | **+4đ** | | Giải III | **+8đ** | **+7đ** | **+5đ** | **+3đ** | | Giải KK | **+7đ** | **+6đ** | **+4đ** | **+2đ** | | Tham gia | **+5đ** | **+4đ** | **+2đ** | **+1đ** | | Hoạt động học thuật ngoại khóa (seminar, talkshow, giao lưu học thuật, hoạt động của các CLB học thuật,...) | | | | | | Chủ trì/ tham gia chính | Quy mô lớn/vừa | **+8đ** | **+6đ** | **+4đ** | | Quy mô nhỏ  (<10 người) |  | **+5đ** | **+3đ** | | Tham gia |  | **+2đ** | **+2đ** | **+1đ** | | Thành viên BTC hoàn thành tốt nhiệm vụ | | | | | |  |  | **+6đ** | **+4đ** | **+2đ** |  * 1. Tích cực học tập nâng cao trình độ ngoại ngữ: 9 * Chứng chỉ ngoại ngữ B1 (theo chuẩn đầu ra của Trường): **+3đ** * IELTS, TOEFL, TOEIC, tiếng Nhật,...: **+5đ**/chứng chỉ   1. Chấp hành tốt các nội quy, quy định về học vụ (chuyên cần, thực hành, thực tế, thực tập,...):4 **+4đ** * Vi phạm (nhắc nhở, khiển trách): **-1đ** đến **-3đ**/lần   **Tổng điểm mục 1** | +2  +2  +4  8 |  | Tham gia hội thảo định hướng nghề nghiệp  Tham gia talk show với FPT Software  + Chấp hành tốt các nội quy, quy định về học vụ. |
| 1. **Ý thức và kết quả chấp hành nội quy, quy chế trong nhà trường4:**   2.1. Chấp hành đầy đủ và không vi phạm các nội quy, quy chế về: học tập, sinh hoạt, thực hiện nếp sống văn hóa, văn minh,…: **+20đ**  Trong trường hợp có vi phạm thì điểm trên sẽ bị giảm trừ như sau:   * Không tham gia (hoặc bài thu hoạch không đạt) các buổi sinh hoạt chính trị đầu năm, đầu khóa, cuối khóa: **-10đ** * Vắng đại hội lớp, đoàn, hội (không có lý do chính đáng): **-7đ**/lần * Vắng sinh hoạt lớp, đoàn,… (không lý do chính đáng): **-5đ**/lần. * Đóng học phí, các loại quỹ (lớp, đoàn, hội,...):   đóng trễ hạn -**2đ**/nội dung, không đóng **-5đ**/nội dung. * Vi phạm quy định đồng phục, trang phục: **-1đ**/lần. * Các trường hợp khác do lớp, hội đồng khoa quyết định điểm trừ.   2.2. Chấp hành đầy đủ và không vi phạm các quy chế nội, ngoại trú: **+5đ**.   * Trường hợp vi phạm (có báo cáo về khoa, trường): **-5đ/**lần.   2.3. Sinh viên vi phạm các nội quy, quy chế thi,… bị kỷ luật 2   * mức khiển trách: **-15đ**/lần. * mức cảnh cáo trở lên: **-20đ**/lần   **Tổng điểm mục 2** | +20  +5  25 |  | + Chấp hành đầy đủ và không vi phạm các nội quy, quy chế …  + Chấp hành đầy đủ và không vi phạm các quy chế ngoại trú. |
| 1. **Ý thức và kết quả tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống các tệ nạn xã hội:**     1. Tham gia các hoạt động chính trị-XH, VH-VN-TDTT, ngoại khóa, phòng chống tệ nạn XH: 8   *Tham gia thi* với tư cách (cá nhân) là sv của trường/khoa hoặc là thành viên của 1 đội tuyển (do lớp, khoa, LCĐ/LCH, hoặc các đơn vị trong trường thành lập); hoặc *tham gia tổ chức*; hoặc *tham dự, cổ vũ*:   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Cấp tỉnh, TƯ (hoặc cấp t.đương) | Cấp trường  (hoặc cấp  t.đương) | Cấp khoa,  liên chi Đoàn/Hội, (hoặc cấp t.đương) | Cấp lớp, chi đoàn13 (hoặc cấp t.đương) | | Giải I | **+15đ** | **+10đ** | **+9đ** | **+5đ** | | Giải II | **+14đ** | **+9đ** | **+8đ** | **+4đ** | | Giải III | **+13đ** | **+8đ** | **+7đ** | **+3đ** | | Giải KK | **+12đ** | **+7đ** | **+6đ** | **+2đ** | | Tham gia | **+8đ** | **+5đ** | **+4đ** | **+2đ** | | Cổ vũ | **+2đ** | **+2đ** | **+2đ** | **+2đ** | | Với các hoạt động không có giải thưởng | | | | | | Tham gia | **+13đ** | **+8đ** | **+7đ** | **+3đ** | | Thành viên BTC hoàn thành tốt nhiệm vụ | | | | | | Tham gia | **+14đ** | **+9đ** | **+8đ** | **+5đ** | | Hỗ trợ BTC hoàn thành tốt nhiệm vụ | | | | | | Tham gia | **+10đ** | **+7đ** | **+6đ** | **+3đ** |  * 1. Tham gia các hoạt động huy động lực lượng (cấp khoa trở lên): **+3đ/**lần   **Tổng điểm mục 3** | +7  +3  10 |  | Tham dự đại hội liên chi đoàn  Tham gia đại hội chi đoàn – hội – lớp |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 1. **Phẩm chất công dân và quan hệ cộng đồng4:**   4.1. Chấp hành tốt và tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; quan hệ tốt trong lớp, trong trường, ở nơi cư trú; có lối sống lành mạnh (không sử dụng ma túy và các chất gây nghiện; không hút thuốc lá; hạn chế uống rượu, bia,...): **+15đ**.   * Trường hợp vi phạm bị nhắc nhở: **-2đ**/lần, * Vi phạm bị từ khiển trách trở lên: **-3đ**/lần.   1. Tham gia các hoạt động tình nguyện, hoạt động xã hội: 10 * Tham gia (đạt yêu cầu trở lên) chuỗi hoạt động tình nguyện có quy mô vừa/lớn (mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi,…): **+7đ** đến **+10đ**/lần. * Tham gia các hoạt động tình nguyện tại chỗ (trong ngày): **+3đ/**lần. * Hiến máu tình nguyện (có giấy chứng nhận): **+5đ/**lần. * Tham gia đội xung kích của khoa: 11   + Hoàn thành nhiệm vụ: **+3đ**   + Hoàn thành tốt/xuất sắc nhiệm vụ: **+6đ** * Tham gia đội xung kích trường: **+3đ**   1. Tham gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh bảo vệ pháp luật; chia sẻ giúp đỡ người thân; cứu giúp người khó khăn, hoạn nạn: **+3đ**. * Có thành tích (được biểu dương, khen thưởng,...): **+10đ**   **Tổng điểm mục 4** | +15  +3  18 |  | Chấp hành tốt và tuyên truyền các chủ trương của Đảng, …  Tham gia giữ gìn trật tự an toàn xa hội, … |
| 1. **Ý thức và kết quả tham gia hoạt động của lớp, các đoàn thể, tổ chức khác trong trường:**     1. Ban cán sự lớp, cán bộ Đoàn (chi đoàn, LCĐ, Đoàn trường), cán bộ Hội Sinh viên (chi hội, LCH, HSV trường), đội trưởng/phó đội xung kích (khoa, trường), ban chủ nhiệm các CLB thuộc khoa 5:  * Hoàn thành nhiệm vụ (hoàn thành/tốt/xuất sắc): **+1đ** đến **+7đ** * Không hoàn thành nhiệm vụ: -**1đ** đến **-2đ**   1. Sinh viên là nhân tố tích cực trong các hoạt động của lớp, khoa, trường  (không thuộc các đối tượng ở mục 5.1): 6 **+1đ** đến **+5đ**   2. Là thành viên của ít nhất 1 câu lạc bộ học thuật/kỹ năng của Trường Đại học Quy Nhơn: **+3đ**   **Tổng điểm mục 5** | 0 |  |  |
| 1. **Sinh viên có thành tích đặc biệt:**  * Được khen thưởng cấp khoa, LCĐ, LCH: **+6đ** * Được khen thưởng cấp trường/tỉnh: **+8đ** * Được khen thưởng cấp bộ, quốc gia trở lên: **+10đ** |  |  |  |
| **Tổng điểm các mục 1+2+3+4+5+6**  Nếu tổng điểm của cả 6 mục vượt quá 100 sẽ được quy về 100 điểm. | 61 |  |  |

*Bình Định, ngày 11 tháng 07 năm 2022*

Sinh viên Lớp trưởng CVHT Trưởng khoa

Đỗ Giang Nam Nguyễn Hồng Huy Nguyễn Ngọc Dũng Lê Xuân Việt

**Ghi chú:**

* 1 Cột Ghi chú ghi cụ thể nội dung của cộng/trừ điểm tương ứng.
* 2 Người học bị kỷ luật:
  + mức **khiển trách**, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại **khá**.
  + mức **cảnh cáo**, khi đánh giá kết quả rèn luyện không được vượt quá loại **trung bình**.
* 3 Mục 1.1, cần ghi rõ kết quả học tập (điểm TBC học kỳ) của kỳ đang xét và kỳ trước để đối chiếu.
* 4 Điểm trừ (nếu có) ở mục 1.4, mục 2 và mục 4.1 không vượt quá (tổng) số điểm của mục tương ứng (đảm bảo tổng điểm của mỗi mục tương ứng là không âm).
* 5 Mục 5.1 tiến hành theo hình thức sv trong lớp/BCH LCĐ/BCH LCH/thành viên đội xung kích khoa **bỏ phiếu** đánh giá(theo thang điểm từ -2 đến +7) mức độ đóng góp của các cá nhân trong danh sách BCS lớp, BCH chi đoàn, BCH chi hội sv/BCH LCĐ/BCH LCH/đội trưởng, phó đội xung kích khoa. Sinh viên kiêm nhiệm nhiều chức vụ thì chỉ tính điểm 1 mục.
* 6 Mục 5.2, danh sách sẽ được **đề xuất** và **thống nhất** bởi CVHT, BCS lớp, BCH LCĐ, BCH LCH SV, BCH chi đoàn, BCH chi hội SV và các SV trong lớp. Trường hợp đặc biệt sẽ được hội đồng khoa xem xét.
* 7 Người học bị xếp loại rèn luyện Yếu, Kém trong *2 học kỳ liên tiếp* thì phải **tạm ngừng** học ít nhất 1 học kỳ ở học kỳ tiếp theo và bị xếp loại Yếu, Kém *2 học kỳ liên tiếp lần thứ 2* thì sẽ bị buộc **thôi học**.
* 8 Điểm cộng được tính trên mỗi chương trình, hoạt động,... đã tham gia (Lưu ý: các chương trình, hoạt động phải được khoa, LCĐ/LCH xác nhận, và phải được ghi chi tiết tên và kết quả trong cột Ghi chú)
* 9 Chứng chỉ được tính nếu vẫn còn giá trị hiệu lực tại học kỳ đang xét rèn luyện.
* 10 Các hoạt động tình nguyện được tính là do trường/khoa/LCĐ/LCH hoặc các đơn vị tương đương tổ chức. Nếu lớp/chi đoàn/chi hội tổ chức thì cần khoa/LCĐ/LCH duyệt và chấp thuận kế hoạch.
* 11 Dựa vào bảng đánh giá xếp loại hàng kỳ của đội xung kích khoa.
* 12 Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng khoa quyết định
* 13 Quy mô tổ chức phải đạt ít nhất từ 25% thành viên lớp tham gia.
* 14

|  |  |
| --- | --- |
| **Phân loại kết quả rèn luyện** | |
| * + 90 ≤ Tổng điểm : xuất sắc   + 80 ≤ Tổng điểm < 90 điểm : tốt   + 65 ≤ Tổng điểm < 80 điểm : khá | * + 50 ≤ Tổng điểm < 65 điểm : TB   + 35 ≤ Tổng điểm < 50 điểm : yếu   + 35 < Tổng điểm : kém |